
THUẾ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG: BẰNG CHỨNG QUỐC TẾ VÀ KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

Nguyễn Minh Phúc

Trường Đại học Tài chính – Marketing

Email: phuctcnh@ufm.edu.vn

Nguyễn Thị Mỹ Linh

Trường Đại học Tài chính Marketing

Email: ntmylinh@ufm.edu.vn

Mã bài: JED-1463

Ngày nhận: 01/11/2023

Ngày nhận bản sửa: 17/12/2023

Ngày duyệt đăng: 08/02/2024

DOI: 10.33301/JED.VI.1463

Tóm tắt:

Môi trường và tăng trưởng kinh tế đang là hai vấn đề chính mà các quốc gia phải đối mặt trong thế kỷ 21. Sự gia tăng nhanh chóng của nhu cầu tiêu dùng, sản xuất công nghiệp và sự phát triển kinh tế đã tạo ra áp lực lớn lên môi trường, gây ra những hậu quả đáng lo ngại như biến đổi khí hậu, ô nhiễm không khí, nước và đất đai. Để giải quyết vấn đề này, nhiều quốc gia đã áp dụng chính sách thu thuế môi trường nhằm bảo vệ môi trường cùng với việc đạt được mục tiêu tăng trưởng kinh tế bền vững. Với mục tiêu tìm hiểu về thuế môi trường tại các quốc gia trên thế giới như Thụy Điển, Costa Rica và Thụy Điển, bài viết đề xuất hàm ý chính sách thuế môi trường cho Việt Nam. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam đối với thuế môi trường bao gồm việc tích hợp mục tiêu bảo vệ môi trường và tăng trưởng kinh tế, điều chỉnh linh hoạt và thích ứng, hỗ trợ công nghệ sạch và năng lượng tái tạo, tạo cơ hội cho đổi mới và tạo việc làm, cũng như đảm bảo tính công bằng và tham gia của cộng đồng. Những bài học này giúp Việt Nam xây dựng một chính sách thuế môi trường hiệu quả và thúc đẩy sự phát triển bền vững cho đất nước.

Từ khóa: Thuế môi trường, bảo vệ môi trường, tăng trưởng kinh tế, bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

Mã JEL: H23, O13, O44

Environmental protection tax: international evidence and experience for Vietnam

Abstract:

Environmental issues and economic growth are two main challenges that countries must confront in the 21st century. Rapid increases in consumer demands, industrial production, and economic development have exerted significant pressure on the environment, resulting in consequences such as climate change and air, water, and soil pollution. To address these issues, many countries have implemented environmental taxation policies to protect the environment while achieving sustainable economic growth. Within the context of this research, the focus is on understanding environmental taxation in countries around the world, such as Sweden and Costa Rica, and proposing environmental taxation policy implications for Vietnam. The lessons for Vietnam regarding environmental taxation include the integration of environmental protection and economic growth goals, flexible and adaptable adjustments, support for clean technology and renewable energy, fostering innovation and job creation, and ensuring equity and community engagement. These lessons are crucial for guiding Vietnam in developing effective environmental taxation policies and promoting sustainable development.

Keywords: Environmental taxation policy, environmental protection, economic growth, lessons for Vietnam

JEL Codes: H23, O13, O44

1. Giới thiệu

Môi trường và trưởng kinh tế là hai yếu tố có mối quan hệ đan xen và phức tạp (Awan, 2013). Sự phát triển kinh tế tại một quốc gia thường đi đôi với sử dụng tài nguyên tự nhiên và môi trường. Các hoạt động công nghiệp, khai thác tài nguyên, sản xuất và tiêu thụ hàng hóa đều ảnh hưởng đến môi trường bằng cách tạo ra khí thải, chất thải và tác động lên hệ sinh thái. Theo báo cáo của Tổ chức Kinh tế Hợp tác và Phát triển (OECD), các hoạt động sản xuất, năng lượng và vận tải là nguồn chính gây ra khí thải CO₂, ô nhiễm không khí và biến đổi khí hậu. Đồng thời, sự tiêu thụ hàng hóa ngày càng nhiều dẫn đến lãng phí tài nguyên và chất thải không phân hủy, góp phần vào ô nhiễm đất đai và nước (Pomázi, 2012). Tuy nhiên, mối quan hệ giữa môi trường và trưởng kinh tế không nhất thiết phải xung đột. Kinh tế có thể phát triển một cách bền vững, đồng thời bảo vệ môi trường nếu chúng ta thực hiện các biện pháp và chính sách hợp lý. Chính sách thu thuế môi trường là một trong những công cụ quan trọng để định hướng hoạt động kinh tế hướng tới sự cân bằng giữa trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường (Pomázi, 2012).

Chính sách thu thuế môi trường được xem là một trong những công cụ quan trọng để đạt được mục tiêu bảo vệ môi trường và đồng thời tạo động lực cho sự phát triển kinh tế bền vững. Nguyên lý cơ bản của chính sách này là “người gây hại phải trả” - tức là người, doanh nghiệp hoặc công nghiệp tạo ra các hoạt động gây hại môi trường sẽ phải chịu trách nhiệm và trả tiền thuế phạt tương ứng. Theo Bank (2010), chính sách thu thuế môi trường giúp cải tạo môi trường bằng bù đắp lại giá trị các tài sản tự nhiên bị hao hụt do hoạt động kinh tế. Điều này khuyến khích doanh nghiệp và công dân chuyển đổi sang sử dụng các công nghệ sạch, năng lượng tái tạo và quản lý tài nguyên một cách hiệu quả hơn.

Mục tiêu của chính sách thu thuế môi trường là đạt được sự cân bằng giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường (Thúc, 2002). Nhằm đạt được mục tiêu này, chính sách thu thuế môi trường có thể tập trung vào hai hướng chính: (i) Khuyến khích sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo và công nghệ sạch bằng cách áp dụng thuế cao lên các nguồn năng lượng gây hại môi trường như năng lượng hóa thạch, chính sách này sẽ khuyến khích người dân và doanh nghiệp chuyển đổi sang sử dụng năng lượng tái tạo và công nghệ sạch hơn; (ii) Giảm thiểu ô nhiễm và chất thải bằng chính sách thu thuế môi trường, có thể áp dụng mức thuế cao lên các ngành công nghiệp và hoạt động sản xuất tạo ra lượng khí thải và chất thải gây hại môi trường cao. Điều này sẽ thúc đẩy việc sử dụng các công nghệ và quy trình sản xuất sạch hơn và cải thiện chất lượng môi trường.

Mục tiêu chính của nghiên cứu này là phân tích chi tiết về mối quan hệ giữa môi trường và trưởng kinh tế tại các quốc gia có kinh nghiệm thành công trong việc áp dụng chính sách thuế môi trường, bao gồm Thụy Điển, Costa Rica và Thụy Sĩ. Bằng phương pháp nghiên cứu định tính, với những kỹ thuật như phân tích, đánh giá, so sánh, nhận định,... nhằm hiểu rõ cách mà các quốc gia này đã đạt được sự cân bằng giữa mục tiêu trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường thông qua chính sách thuế môi trường, dựa trên những bài học và phân tích từ các quốc gia, nghiên cứu sẽ đề xuất hàm ý chính sách thuế môi trường cụ thể cho Việt Nam. Hàm ý này cũng sẽ cân nhắc thực trạng, hạn chế và khó khăn đối với thuế môi trường để đảm bảo tính hiệu quả và tương thích với tình hình Việt Nam nhằm thúc đẩy sự phát triển bền vững cho đất nước.

2. Các chính sách thu thuế môi trường tại một số quốc gia

Hiện nay, nhiều quốc gia đã áp dụng các chính sách thu thuế môi trường để giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường đang ngày càng nghiêm trọng. Thu thuế môi trường là một công cụ hiệu quả để tác động đến hành vi của các cá nhân và doanh nghiệp, thúc đẩy họ sử dụng các nguồn tài nguyên một cách tiết kiệm và bền vững hơn. Thuế môi trường có thể được phân loại thành nhiều phần nhỏ khác nhau, bao gồm:

- Thu thuế carbon: Đây là loại thuế được áp dụng đối với các hoạt động phát thải khí nhà kính, chẳng hạn như đốt nhiên liệu hóa thạch. Thu thuế carbon nhằm khuyến khích các doanh nghiệp và cá nhân chuyển sang sử dụng các nguồn năng lượng sạch hơn.

- Thu thuế sinh thái: Đây là loại thuế được áp dụng đối với các hoạt động gây hại đến môi trường, chẳng hạn như khai thác rừng, đánh cá quá mức, và sử dụng đất đai không bền vững. Thu thuế sinh thái nhằm bù đắp cho những thiệt hại mà các hoạt động này gây ra cho môi trường và cũng khuyến khích người dân sử dụng các nguồn tài nguyên một cách tiết kiệm hơn.

- Thu thuế ô nhiễm: Đây là loại thuế được áp dụng đối với các doanh nghiệp sản xuất thải ra lượng khí thải và chất thải độc hại cao. Thu thuế ô nhiễm nhằm khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào công nghệ

tiết kiệm năng lượng và tái chế, giảm thiểu ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường.

Các chính sách thu thuế môi trường đã được áp dụng thành công ở nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Thụy Điển, Costa Rica và Trung Quốc. Ở Thụy Điển, chính sách thu thuế carbon đã giúp giảm lượng khí thải carbon xuống 40% so với năm 1990. Ở Costa Rica, chính sách thu thuế sinh thái đã giúp tăng diện tích rừng lên 20% và giảm lượng đánh bắt cá quá mức xuống 50% (Barbier & cộng sự, 2020). Ở Trung Quốc, chính sách thu thuế ô nhiễm đã giúp giảm lượng khí thải nhà kính xuống 15% và cải thiện chất lượng không khí ở nhiều thành phố lớn (Gu & cộng sự, 2019).

2.1. Thuế môi trường ở Thụy Điển

Thụy Điển là một trong những quốc gia tiên phong trong việc áp dụng chính sách thu thuế carbon nhằm giảm lượng khí thải carbon và bảo vệ môi trường. Chính phủ Thụy Điển đã thiết lập hệ thống thuế carbon từ năm 1991 và đã liên tục điều chỉnh mức thuế theo thời gian. Theo báo cáo của OECD, Thụy Điển đã áp dụng mức thuế carbon cao trên các ngành công nghiệp sản xuất khí thải lớn và hóa thạch. Nhờ chính sách này, người dân và doanh nghiệp ở Thụy Điển đã chuyển đổi sang sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo và công nghệ sạch hơn để giảm thiểu tác động tiêu cực lên môi trường. Kết quả là doanh nghiệp và người dân đều đầu tư vào các công nghệ sạch hơn và năng lượng tái tạo, từ đó giúp cho Thụy Điển đã đạt được những tiến bộ đáng kể trong việc giảm lượng khí thải carbon và đóng góp tích cực vào nỗ lực chung của cộng đồng quốc tế trong việc giảm biến đổi khí hậu (Bergek & Mignon, 2017).

Chính phủ Thụy Điển đã áp dụng nhiều loại thuế môi trường, bao gồm thuế carbon, thuế nhiên liệu, thuế điện và thuế chất thải. Các loại thuế này nhằm mục đích giảm thiểu ô nhiễm môi trường và khuyến khích người dân sử dụng các nguồn năng lượng sạch và bền vững.

- Thuế carbon: Thuế carbon được áp dụng đối với tất cả các nhiên liệu hóa thạch, bao gồm xăng, dầu diesel, khí thiên nhiên và than đá. Mức thuế carbon hiện tại là 116 SEK (13 USD) cho mỗi tấn CO₂. Thuế carbon là một trong những loại thuế môi trường quan trọng nhất ở Thụy Điển, nó đã góp phần đáng kể vào việc giảm thiểu lượng khí thải carbon dioxide.

- Thuế nhiên liệu: Thuế nhiên liệu được áp dụng đối với tất cả các loại nhiên liệu, bao gồm xăng, dầu diesel, khí thiên nhiên và LPG. Mức thuế nhiên liệu hiện tại là 6,67 SEK (0,77 USD) cho mỗi lít xăng và 6,16 SEK (0,72 USD) cho mỗi lít dầu diesel. Thuế nhiên liệu cũng là một loại thuế môi trường quan trọng, góp phần đáng kể vào việc giảm thiểu lượng tiêu thụ nhiên liệu của Thụy Điển.

- Thuế điện: Thuế điện được áp dụng đối với tất cả các hộ tiêu dùng điện. Mức thuế điện hiện tại là 0,68 SEK (0,08 USD) cho mỗi kilowatt giờ điện. Thuế điện là một loại thuế môi trường mới ở Thụy Điển, được áp dụng lần đầu tiên vào năm 2016, nhằm mục đích khuyến khích người dân sử dụng điện tiết kiệm hơn.

- Thuế chất thải: Thuế chất thải được áp dụng đối với tất cả các hộ gia đình và doanh nghiệp. Mức thuế chất thải hiện tại là 0,45 SEK (0,05 USD) cho mỗi kilogram rác thải. Thuế chất thải nhằm mục đích khuyến khích người dân tái chế và giảm thiểu lượng rác thải.

Theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới năm 2016, Thụy Điển là quốc gia có hệ thống thuế môi trường hiệu quả nhất thế giới. Báo cáo cho thấy các loại thuế môi trường ở Thụy Điển đã góp phần đáng kể vào việc giảm thiểu ô nhiễm môi trường và trưởng kinh tế. Thuế carbon ở Thụy Điển làm tăng chi phí sử dụng năng lượng từ nguồn hóa thạch, khuyến khích doanh nghiệp và người tiêu dùng chuyển sang sử dụng nguồn năng lượng tái tạo và sạch. Thuế carbon cũng đặt áp lực tài chính lên các ngành công nghiệp phát thải nhiều, giúp giảm lượng khí nhà kính và ô nhiễm không khí. Vì vậy, nồng độ các chất gây ô nhiễm trong không khí và nước đã giảm đáng kể trong những năm qua. Thụy Điển cũng là một trong những quốc gia có tỷ lệ tái chế cao nhất thế giới (Heine & Black, 2019). Đồng thời, thuế carbon cũng là tác nhân làm tăng trưởng kinh tế khi thúc đẩy nguồn lực tái tạo và tăng hiệu quả năng lượng.

2.2. Thuế sinh thái ở Costa Rica

Costa Rica là một ví dụ khác về việc áp dụng chính sách thu thuế môi trường hiệu quả nhằm bảo vệ môi trường và duy trì sự cân bằng giữa phát triển kinh tế và bảo vệ thiên nhiên. Chính phủ Costa Rica đã áp dụng chính sách thu thuế sinh thái từ năm 1997 với mục tiêu chính là hỗ trợ việc bảo vệ môi trường và duy trì cơ sở đa dạng sinh học phong phú của quốc gia. Đặc biệt, chính sách này đã áp dụng mức thuế cao lên các hoạt động gây hại môi trường như khai thác rừng, đánh cá quá mức và sử dụng đất đai không bền vững. Quỹ từ

thuế sinh thái đã được đầu tư vào các dự án tái tạo và bảo vệ môi trường, giúp Costa Rica trở thành một quốc gia dẫn đầu trong việc bảo vệ thiên nhiên và du lịch sinh thái (Fletcher & cộng sự, 2020). Các loại thuế môi trường chính ở Costa Rica bao gồm thuế tài nguyên và phí môi trường.

- Thuế tài nguyên: Thuế tài nguyên là loại thuế đánh vào việc khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bao gồm dầu mỏ, khí đốt, than đá và khoáng sản. Thuế tài nguyên được áp dụng với mức thuế suất từ 10% đến 50%. Thuế tài nguyên là một loại thuế tương đối mới ở Costa Rica, được áp dụng lần đầu tiên vào năm 2010. Số tiền thu được từ thuế tài nguyên được sử dụng để tài trợ cho các chương trình bảo vệ môi trường, bao gồm trồng rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Phí môi trường: Phí môi trường là loại phí đánh vào các hoạt động gây ô nhiễm môi trường, bao gồm thải khí nhà kính, xả nước thải và rác thải. Phí môi trường được áp dụng với mức phí từ 10 USD đến 100 USD cho mỗi tấn khí thải nhà kính, mỗi mét khối nước thải và mỗi tấn rác thải. Phí môi trường là một loại thuế tương đối mới ở Costa Rica, được áp dụng lần đầu tiên vào năm 2015. Số tiền thu được từ phí môi trường được sử dụng để tài trợ cho các chương trình bảo vệ môi trường, bao gồm trồng rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu đã góp phần đáng kể trong việc giảm thiểu ô nhiễm môi trường và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên. Ngoài ra, thuế sinh thái có thể thúc đẩy trường kinh tế khi tạo ra cơ hội du lịch sinh thái và giúp nâng cao thu nhập từ nguồn du lịch, khuyến khích doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm xanh và bền vững, tận dụng tiêu dùng thay đổi theo hướng bền vững trên thế giới.

2.3. Thuế ô nhiễm ở Trung Quốc

Trung Quốc là một trong những quốc gia có mức ô nhiễm môi trường cao nhất thế giới. Chính phủ Trung Quốc đã thực hiện các biện pháp quyết liệt để giảm thiểu ô nhiễm và bảo vệ môi trường, trong đó có việc áp dụng chính sách thu thuế ô nhiễm. Chính sách này áp dụng mức thuế cao lên các ngành công nghiệp và hoạt động sản xuất tạo ra lượng khí thải và chất thải gây hại môi trường cao (Greenstone & cộng sự, 2021). Thuế môi trường ở Trung Quốc được áp dụng từ năm 1979, với mục tiêu khuyến khích các doanh nghiệp giảm thiểu ô nhiễm và đầu tư vào các biện pháp bảo vệ môi trường. Thuế môi trường ban đầu được áp dụng đối với các ngành công nghiệp gây ô nhiễm môi trường như than đá, dầu mỏ, khí đốt, kim loại nặng, hóa chất, vật liệu xây dựng,... Năm 2018, Trung Quốc đã sửa đổi Luật Thuế môi trường. Luật Thuế môi trường sửa đổi đã mở rộng phạm vi áp dụng thuế môi trường, bao gồm cả các ngành công nghiệp mới như sản xuất ô tô và điện tử. Luật Thuế môi trường sửa đổi cũng đã tăng mức thuế môi trường đối với một số loại ô nhiễm môi trường.

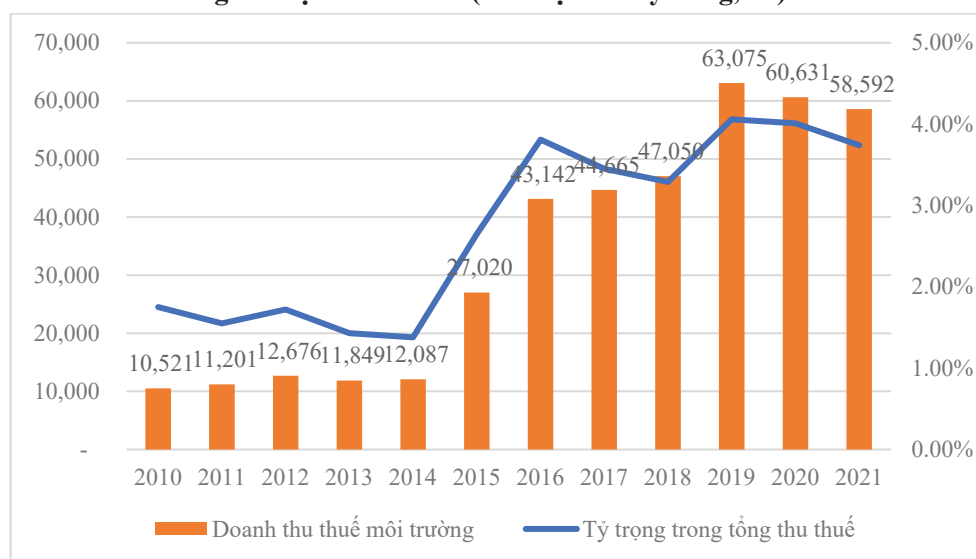
Thuế môi trường ở Trung Quốc áp dụng đối với các doanh nghiệp và cá nhân xả thải các chất ô nhiễm vào môi trường. Các chất ô nhiễm môi trường được chia thành ô nhiễm từ khí thải nhà kính (bao gồm carbon dioxide, methane, nitrous oxide và các khí nhà kính khác), ô nhiễm không khí, ô nhiễm đất, ô nhiễm nước, ô nhiễm đất và ô nhiễm tiếng ồn. Việc phân loại này giúp cho việc xác định mức thuế suất khác nhau tùy theo lượng chất ô nhiễm gây ra. Ví dụ, mức thuế đối với khí thải carbon dioxide là 0,05 nhân dân tệ/tấn, đối với bụi là 0,1 nhân dân tệ/kg, đối với SO₂ là 0,2 nhân dân tệ/tấn, với NO_x là 0,3 nhân dân tệ/tấn, với nước thải là 0,6-3 nhân dân tệ/m³, với rác thải là 0,1-0,5 nhân dân tệ/kg...

Theo số liệu của Bộ Tài chính Trung Quốc, tổng thu thuế môi trường từ năm 1979 đến năm 2019 đã đạt 1,2 nghìn tỷ Nhân dân tệ (170 tỷ USD). Riêng năm 2020, Trung Quốc thu được 110,8 tỷ nhân dân tệ từ thuế môi trường. Số tiền này đã được sử dụng để tài trợ cho hơn 100.000 dự án bảo vệ môi trường, góp phần cải thiện chất lượng môi trường ở Trung Quốc. Tính đến năm 2020, Trung Quốc đã đầu tư khoảng 1.400 tỷ nhân dân tệ từ thuế môi trường cho các dự án bảo vệ môi trường. Nguồn thu từ thuế môi trường được sử dụng để tài trợ cho chính các dự án bảo vệ môi trường, bao gồm: xây dựng các nhà máy xử lý nước thải, xây dựng các khu công viên xanh, bảo tồn các khu vực sinh thái và nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường. Chính vì vậy, thuế môi trường đã có tác động tích cực đến việc giảm thiểu ô nhiễm môi trường ở Trung Quốc. Nhờ có thuế môi trường, lượng khí thải CO ở Trung Quốc đã giảm khoảng 20%, SO₂ là 22,7% và NO_x là 13,1% trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020. Hiện tại, chính phủ Trung Quốc đang tiếp tục sửa đổi và hoàn thiện hệ thống thuế môi trường. Chính phủ Trung Quốc cũng đang tăng cường thực thi thuế môi trường. Chính phủ Trung Quốc hy vọng rằng thuế môi trường sẽ có tác động mạnh mẽ hơn nữa đến việc giảm thiểu ô nhiễm môi trường ở Trung Quốc, đồng thời mở ra cơ hội thị trường mới trong bối cảnh người tiêu dùng quan tâm đến sản phẩm và dịch vụ có tác động tích cực đối với môi trường.

3. Thuế môi trường tại Việt Nam

Thuế bảo vệ môi trường là một loại thuế quan trọng trong hệ thống thuế của Việt Nam. Hiện nay, Luật Thuế bảo vệ môi trường đã được Quốc hội thông qua tại Luật số 57/2010/QH12 ngày 15/11/2010. Trong Luật Thuế bảo vệ môi trường đã quy định về đối tượng chịu thuế, đối tượng không chịu thuế, người nộp thuế, căn cứ tính thuế, khai thuế, tính thuế, nộp thuế và hoàn thuế bảo vệ môi trường. Mục đích của loại thuế này là nhằm hạn chế việc sản xuất và tiêu thụ các hàng hóa gây ô nhiễm, đồng thời thu được nguồn tài chính để phục vụ cho việc bảo vệ môi trường. Doanh thu thuế môi trường trong giai đoạn 2010 – 2014 gần như không có nhiều thay đổi với doanh thu khoảng 10 -12 nghìn tỷ đồng. Giai đoạn năm 2014 – 2015, doanh thu thuế tăng lên đến hơn 27 nghìn tỷ với tốc độ 124%, đây là tốc độ tăng nhanh nhất trong giai đoạn 2010-2021. Tốc độ tăng nhanh cũng được duy trì ở năm 2016 với tốc độ 60%, sau đó tiếp tục tăng đến đỉnh ở năm 2019 (hơn 63 nghìn tỷ đồng). Các năm 2020 và 2021, doanh thu thuế giảm nhẹ khi chỉ còn lần lượt 60 và 58 nghìn tỷ đồng. Theo thống kê từ Tổng cục thuế, thuế môi trường đóng vai trò ngày càng quan trọng trong tổng thu thuế. Điều này thể hiện qua tỷ trọng doanh thu thuế môi trường trong tổng thu thuế ở Việt Nam đã tăng liên tục từ 1,75% năm 2010 lên 4,06% năm 2019, trong đó tốc độ tăng trưởng cao nhất vào giai đoạn 2014-2015. Sau đó, tỷ trọng này giảm nhẹ xuống còn 3,74% trong năm 2019. Thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu là loại thuế quan trọng nhất và chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng thu thuế môi trường (khoảng 75%), tiếp theo là thuế bảo vệ môi trường đối với ô tô (khoảng 10%) và thuế bảo vệ môi trường đối với các loại hàng hóa khác.

Hình 1: Doanh thu thuế môi trường và tỷ trọng thuế môi trường trong tổng thu thuế giai đoạn 2010-2021 (Đơn vị tính: tỷ đồng, %)



Nguồn: Tổng cục thống kê

Mặc dù doanh thu thuế và tỷ trọng thuế môi trường vẫn tăng dần đều qua các năm, nhưng thuế môi trường ở Việt Nam đang tồn tại những hạn chế và khó khăn.

3.1. Hạn chế đối với thuế môi trường tại Việt Nam

Đầu tiên là hạn chế về mức thuế. Mức thuế môi trường ở Việt Nam vẫn còn khá thấp và chưa đủ hấp dẫn để khuyến khích doanh nghiệp và cá nhân thực hiện các hoạt động gây hại môi trường. Mức thuế thấp có thể dẫn đến việc các ngành công nghiệp và hoạt động sản xuất không có động lực để chuyển đổi sang sử dụng năng lượng tái tạo và công nghệ sạch hơn. Theo nghiên cứu về chính sách thuế môi trường ở Việt Nam, các mức thuế áp dụng vẫn còn khá thấp so với các nước khác trong khu vực. Theo số liệu từ Ngân hàng Thế giới, Việt Nam là nước có mức thuế môi trường thấp nhất trong ASEAN. Mức thuế bảo vệ môi trường của Việt Nam đối với xăng dầu là 1.000-1.500 đồng/lít, thấp hơn nhiều so với các nước trong khu vực như Thái Lan (3.000 đồng/lít), Indonesia (2.000 đồng/lít) và Malaysia (1.500 đồng/lít). Mức thuế môi trường thấp của Việt Nam là một trong những nguyên nhân khiến cho ô nhiễm môi trường ở nước ta ngày càng nghiêm trọng.

Theo số liệu từ Bộ Tài nguyên và Môi trường, Việt Nam đang đứng thứ 2 trong ASEAN về mức độ ô nhiễm không khí, chỉ sau Indonesia. Chính phủ Việt Nam đã có những kế hoạch để tăng mức thuế môi trường trong thời gian tới. Tuy nhiên, việc tăng mức thuế môi trường cần được thực hiện một cách thận trọng để không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của doanh nghiệp.

Ngoài ra, phạm vi thuế cũng hạn chế. Hiện nay, các chính sách thuế môi trường tại Việt Nam chủ yếu tập trung vào các ngành công nghiệp và hoạt động gây ô nhiễm môi trường lớn như năng lượng, ô tô và khai thác tài nguyên tự nhiên (Luật Thuế môi trường năm 2019). Tuy nhiên, vẫn còn nhiều ngành và hoạt động gây hại môi trường khác chưa được đưa vào phạm vi thuế, gây thiếu công bằng và hiệu quả trong việc giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Theo số liệu từ Bộ Tài nguyên và Môi trường, các lĩnh vực như công nghiệp chế biến, nông nghiệp và chăn nuôi cũng đóng góp một lượng lớn khí thải và chất thải gây ô nhiễm môi trường, nhưng vẫn chưa có thuế môi trường đặc biệt áp dụng cho các ngành này. Tóm lại, thuế môi trường tại Việt Nam đang đối mặt với hạn chế về mức thuế thấp, không đủ khuyến khích chuyển đổi sang hoạt động thân thiện môi trường. Việc tăng mức thuế cần thận trọng để không ảnh hưởng đến doanh nghiệp, và cần mở rộng phạm vi thuế để bao quát hết các hành vi gây hại môi trường hơn.

3.2 Khó khăn đối với thuế môi trường tại Việt Nam

Thứ nhất là khó khăn trong việc giám sát và tuân thủ. Mặc dù có nhiều quy định về chính sách thuế môi trường, việc giám sát và đảm bảo tuân thủ vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Thiếu cơ chế và nguồn lực để thực hiện giám sát chất lượng không khí, nước và đất đai cũng như cơ chế rõ ràng và hiệu quả để xử phạt các doanh nghiệp vi phạm đã khiến một số doanh nghiệp lợi dụng và vi phạm quy định môi trường mà không phải chịu hậu quả nặng nề. Nhiều doanh nghiệp vẫn chưa đáp ứng đủ yêu cầu về môi trường và chưa tuân thủ các quy định về thuế môi trường một cách nghiêm túc. Theo Bộ Tài chính, số lượng doanh nghiệp vi phạm quy định môi trường và chưa đóng đủ thuế môi trường vẫn còn cao, ước tính lên đến hàng nghìn doanh nghiệp. Theo Bộ Tài nguyên và Môi trường (2021), số lượng doanh nghiệp vi phạm quy định môi trường và không đóng đủ thuế môi trường vẫn còn cao. Một báo cáo từ Ngân hàng Thế giới cho biết, mức độ tuân thủ các quy định về môi trường và thuế môi trường của Việt Nam chỉ ở mức trung bình so với các nước trong khu vực (The World Bank, 2020).

Hai là ý thức của người dân và doanh nghiệp về việc bảo vệ môi trường và áp dụng chính sách thuế môi trường vẫn còn hạn chế. Một số người dân và doanh nghiệp vẫn chưa thật sự nhận thức được tầm quan trọng của bảo vệ môi trường và không hiểu rõ về tác động của việc áp dụng chính sách thu thuế môi trường. Thậm chí có những trường hợp doanh nghiệp tìm cách trốn thuế môi trường và vi phạm quy định môi trường để tăng lợi nhuận. Theo báo cáo tổng kết hoạt động của Bộ Tài nguyên và Môi trường (2022), phần lớn dân cư ở các khu vực nông thôn tại Việt Nam không biết về chính sách thuế môi trường và chưa nhận thức rõ về tác động của việc áp dụng thuế môi trường. Tầm nhìn và ý thức về vấn đề môi trường cần được nâng cao thông qua các hoạt động tuyên truyền, giáo dục và nâng cao nhận thức.

Ngoài những hạn chế đã nêu ở phần trên, khó khăn trong giám sát và tuân thủ cũng là thách thức lớn, do thiếu nguồn lực và cơ chế rõ ràng để xử phạt doanh nghiệp vi phạm. Ý thức của người dân và doanh nghiệp về chính sách thuế môi trường cũng còn hạn chế, đặc biệt ở các khu vực nông thôn. Do vậy, hoạt động tuyên truyền và giáo dục cũng cần quan tâm để đạt được hiệu quả tốt hơn trong bảo vệ môi trường.

4. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam đối với thuế môi trường

Trong quá trình tìm hiểu và nắm bắt những kinh nghiệm từ các quốc gia tiên phong như Thụy Điển, Costa Rica và Trung Quốc, Việt Nam có thể rút ra những bài học quý báu để áp dụng vào việc xây dựng và thực hiện chính sách thuế môi trường nhằm đảm bảo bảo vệ môi trường tại Việt Nam và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững.

Tích hợp mục tiêu bảo vệ môi trường và tăng trưởng kinh tế

Bài học quan trọng từ Thụy Điển, Costa Rica và Trung Quốc là việc tích hợp mục tiêu bảo vệ môi trường và tăng trưởng kinh tế, thay vì xem chúng là hai mục tiêu trái ngược nhau. Việc đặt ra mục tiêu cụ thể về bảo vệ môi trường và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế có thể tạo ra cơ hội cho sự tương hỗ giữa hai khía cạnh này. Để áp dụng bài học này cho Việt Nam, chính phủ cần xây dựng một kế hoạch phát triển bền vững với các chỉ tiêu

cụ thể về bảo vệ môi trường và trưởng kinh tế. Cần có một chiến lược phù hợp để tối ưu hóa tương hỗ giữa các mục tiêu này. Chẳng hạn, Việt Nam có thể tập trung vào việc phát triển các ngành công nghiệp xanh, đồng thời hạn chế hoạt động gây ô nhiễm môi trường. Việc định rõ mục tiêu và đảm bảo sự hiểu biết và cam kết từ các ngành công nghiệp sẽ giúp cân bằng giữa mục tiêu bảo vệ môi trường và trưởng kinh tế (Maran & Nedelea, 2017).

Điều chỉnh linh hoạt và thích ứng

Bài học từ các nước nghiên cứu cũng cho thấy tầm quan trọng của việc điều chỉnh linh hoạt và thích ứng chính sách thuế môi trường. Môi trường và kinh tế thay đổi liên tục, và do đó, chính sách thuế môi trường cần có khả năng thích ứng theo thời gian để đảm bảo tính hiệu quả và đáp ứng được thực tế. Việt Nam cũng cần tạo ra một cơ chế linh hoạt trong việc điều chỉnh mức thuế môi trường dựa trên sự biến đổi của tình hình môi trường và kinh tế. Điều này đòi hỏi sự thông minh và linh hoạt trong việc thiết lập các chỉ tiêu, thông số cơ bản để quản lý chính sách. Cần thiết phải có cơ chế kiểm tra và đánh giá định kỳ để xem xét hiệu quả của chính sách và điều chỉnh nếu cần.

Cùng với việc điều chỉnh theo thời gian, việc điều chỉnh linh hoạt còn đòi hỏi sự tinh tế trong việc đánh giá các tác động phụ và tác động chéo của chính sách. Điều này đảm bảo rằng chính sách thuế môi trường không gây ra tình trạng bất cân đối hoặc tác động ngược với mục tiêu ban đầu của nó. Một ví dụ cụ thể có thể là việc điều chỉnh thuế môi trường đối với ô tô dựa trên mức độ ô nhiễm của chúng. Khi công nghệ ô tô tiên bộ và giảm thiểu tác động môi trường, mức thuế có thể điều chỉnh theo xu hướng này để thúc đẩy sự chuyển đổi từ ô tô gây ô nhiễm cao sang các phương tiện xanh hơn (Mamula Nikolić & cộng sự, 2021).

Hỗ trợ công nghệ sạch và năng lượng tái tạo

Việc áp dụng chính sách thuế môi trường không chỉ để thu thuế từ các hoạt động gây ô nhiễm môi trường, mà còn để tạo động lực cho sự đổi mới và chuyển đổi sang các công nghệ sạch và năng lượng tái tạo. Việc này giúp thúc đẩy sự chuyển đổi từ nguồn năng lượng gây hại môi trường sang năng lượng tái tạo và giảm thiểu tác động tiêu cực lên môi trường (Wang & cộng sự, 2019). Chính phủ Việt Nam có thể hỗ trợ việc phát triển công nghệ sạch và năng lượng tái tạo bằng cách sử dụng một phần thuế thu được. Các biện pháp có thể bao gồm:

- Hỗ trợ nghiên cứu và phát triển: Dùng phần thuế để tài trợ cho các dự án nghiên cứu và phát triển công nghệ sạch, cũng như ứng dụng năng lượng tái tạo. Điều này khuyến khích các doanh nghiệp và tổ chức đầu tư vào các dự án này.
- Khuyến khích đầu tư trong ngành công nghệ sạch: Dùng chính sách thuế để tạo ra ưu đãi thuế hoặc giảm giá cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ sạch và năng lượng tái tạo. Điều này thúc đẩy sự tham gia của các doanh nghiệp vào việc phát triển và triển khai công nghệ sạch.
- Xây dựng hạ tầng và cơ sở vật chất: Sử dụng phần thuế để đầu tư vào hạ tầng cần thiết cho việc phát triển công nghệ sạch và năng lượng tái tạo, như các trạm sạc xe điện, hệ thống quản lý năng lượng, và các công trình hạ tầng hỗ trợ khác.

Đổi mới và tạo việc làm

Chính sách thuế môi trường có khả năng tạo ra cơ hội cho việc đổi mới và tạo việc làm trong các lĩnh vực liên quan đến môi trường và năng lượng sạch. Việc này đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế và giúp giải quyết vấn đề thất nghiệp, đặc biệt là trong các khu vực có nguồn lao động dư thừa (Bohnenberger, 2022).

- Tạo cơ hội việc làm mới: Sử dụng phần thuế thu được để đầu tư vào việc đào tạo và phát triển kỹ năng cho người lao động trong các lĩnh vực mới liên quan đến công nghệ sạch và năng lượng tái tạo. Điều này giúp tạo cơ hội việc làm mới và giúp người lao động thích nghi với sự chuyển đổi của thị trường lao động.
- Khuyến khích doanh nghiệp đổi mới: Sử dụng chính sách thuế để khuyến khích các doanh nghiệp đổi mới và phát triển sản phẩm, dịch vụ liên quan đến môi trường và năng lượng sạch. Điều này giúp thúc đẩy sự phát triển của các ngành công nghiệp mới và tạo điều kiện cho sự đổi mới và sáng tạo.

Đảm bảo tính công bằng và tham gia của cộng đồng

Theo Điều 1 Thông tư 152/2011/TT-BTC về việc hướng dẫn thi hành nghị định số 67/2011/NĐ-CP ngày 8/8/2011 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật thuế bảo vệ môi trường, đối tượng chịu thuế bảo vệ môi trường gồm 8 nhóm hàng hóa gây ô nhiễm môi trường như là: (1) Xăng dầu, mỡ nhờn; (2) Than đá; (3) Dung dịch hydro-chloro-fluoro-carbon (HCFC); (4) Túi ni lông; (5) Thuốc diệt cỏ thuộc loại hạn chế sử dụng; (6) Thuốc trừ mối thuộc loại hạn chế sử dụng; (7) Thuốc bảo quản lâm sản thuộc loại hạn chế sử dụng; (8) Thuốc khử trùng kho thuộc loại hạn chế sử dụng. Có thể thấy rằng, tám nhóm đối tượng đang chịu thuế bảo vệ môi trường trên đều liên quan đến các hàng hóa thiết yếu, tác động mạnh mẽ và phổ quát trong đời sống hàng ngày. Mặt khác, thực tế cho thấy có nhiều sản phẩm và hàng hóa khác, có khả năng gây ô nhiễm môi trường khi sử dụng, nhưng chưa được xem xét để thuế bảo vệ môi trường áp dụng lên chúng. Trong bối cảnh kinh tế - xã hội thay đổi theo thời gian, cần xem xét khả năng đưa một số dịch vụ cụ thể vào danh sách chịu thuế bảo vệ môi trường, cùng với việc mở rộng danh mục các sản phẩm gây ô nhiễm môi trường theo một lộ trình hợp lý. Quá trình điều chỉnh này cần tuân theo một số nguyên tắc quan trọng: (i) Các sản phẩm và hàng hóa thuộc lĩnh vực sản xuất hoặc nhập khẩu, gây hại cho môi trường khi sử dụng, nên được xem xét để áp dụng thuế bảo vệ môi trường; (ii) Quyết định này cần phù hợp với các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã tham gia và tuân theo chuẩn quốc tế; (iii) Việc điều chỉnh cần đảm bảo khả thi và cân nhắc kỹ lưỡng về mặt cân bằng với phát triển kinh tế, đồng thời không gây ảnh hưởng tiêu cực đến khả năng cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam, đặc biệt là các mặt hàng xuất khẩu.

Ngoài ra, việc xây dựng và thực hiện chính sách thuế môi trường cần phải đảm bảo tính công bằng và tham gia của cộng đồng. Điều này đảm bảo sự ủng hộ và thực hiện hiệu quả của chính sách trong cộng đồng (Kumagai & Iorio, 2020). Một số biện pháp cụ thể có thể áp dụng:

- Tạo sự minh bạch: Đảm bảo rằng quá trình xây dựng và thực hiện chính sách được tiến hành một cách minh bạch và dễ hiểu. Công chúng cần được thông tin đầy đủ về mục tiêu, phạm vi và tác động của chính sách.

- Tham gia của cộng đồng: Tổ chức các cuộc hội thảo, thảo luận và tương tác với cộng đồng để lắng nghe ý kiến và phản hồi của họ về chính sách thuế môi trường. Điều này giúp đảm bảo tính khách quan và đảm bảo rằng chính sách phản ánh đúng nhu cầu và quan điểm của người dân.

- Tích hợp phản hồi của cộng đồng: Sử dụng phản hồi của cộng đồng để điều chỉnh và cải thiện chính sách theo thời gian. Điều này giúp tạo sự ủng hộ và tham gia của cộng đồng trong quá trình thực hiện chính sách.

5. Kết luận

Trong bối cảnh thế giới đang đối diện với những thách thức nghiêm trọng về môi trường và trường kinh tế, chính sách thu thuế môi trường đã chứng tỏ là một công cụ hiệu quả để đảm bảo sự cân bằng giữa sự phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường. Với những bài học và kinh nghiệm từ các quốc gia đã thành công trong việc áp dụng chính sách thu thuế môi trường, Việt Nam có thể định hướng và thực hiện các chính sách tương tự để đảm bảo mục tiêu bảo vệ môi trường và đồng thời phát triển kinh tế một cách bền vững. Sự chuyển đổi sang năng lượng tái tạo, quản lý tài nguyên bền vững và giảm thiểu ô nhiễm môi trường sẽ đóng góp vào việc giữ gìn và phục hồi tài nguyên thiên nhiên, đồng thời giảm thiểu tác động của con người lên hệ sinh thái và đem lại lợi ích cho cả hệ tương lai. Việc áp dụng chính sách thu thuế môi trường hợp lý và hiệu quả sẽ là một trong những bước quan trọng trong việc xây dựng một tương lai bền vững cho Việt Nam và thế giới. Tuy nhiên, nghiên cứu này có một số hạn chế như thiếu dữ liệu cụ thể về quốc gia nghiên cứu, nghiên cứu chủ yếu tập trung vào khía cạnh kinh tế và môi trường mà không xem xét chi tiết các yếu tố xã hội, văn hóa, hay chính trị, điều này có thể bỏ qua những yếu tố quan trọng trong việc hiểu sâu hơn về tương tác phức tạp giữa môi trường và kinh tế.

Tài liệu tham khảo

- Awan, A. G. J. I. J. o. A. S. S. (2013), 'Relationship between environment and sustainable economic development: A theoretical approach to environmental problems', *International Journal of Asian Social Science*, 3(3), 741-761.
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (2021), *Báo cáo tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý năm 2020*.
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (2022), *Báo cáo tổng kết hoạt động năm 2022*.
- Barbier, E. B., Lozano, R., Rodríguez, C. M., & Troëng, S. J. N. (2020), 'Adopt a carbon tax to protect tropical forests', *Nature*, 578(7794), 213-216.
- Bergek, A., & Mignon, I. (2017), 'Motives to adopt renewable electricity technologies: Evidence from Sweden', *Energy Policy*, 106, 547-559, <https://doi.org/https://doi.org/10.1016/j.enpol.2017.04.016>
- Bohnenberger, K. (2022), 'Greening work: labor market policies for the environment', *Empirica*, 49(2), 347-368.
- Fletcher, R., Dowd-Urbe, B., & Aistara, G. A. (2020), *The ecolaboratory: environmental governance and economic development in Costa Rica*, University of Arizona Press.
- Greenstone, M., He, G., Li, S., & Zou, E. Y. (2021), 'China's war on pollution: Evidence from the first 5 years', *Review of Environmental Economics Policy*, 15(2), 281-299.
- Gu, H., Cao, Y., Elahi, E., & Jha, S. K. (2019), 'Human health damages related to air pollution in China', *Environmental Science and Pollution Research*, 26, 13115-13125.
- Heine, D., & Black, S. (2019), Benefits beyond Climate: Environmental Tax Reform. In Fiscal Policies for Development and Climate Action (pp. 1-63), https://doi.org/10.1596/978-1-4648-1358-0_ch1
- Kumagai, S., & Iorio, F. (2020), *Building Trust in Government through Citizen Engagement*, World Bank Group, United States of America, Retrieved from <https://policycommons.net/artifacts/1263147/building-trust-in-government-through-citizen-engagement/1837302/> on 08 May 2024. CID: 20.500.12592/w194z8
- Mamula Nikolić, T., Pantić, S. P., Paunović, I., & Filipović, S. (2021), 'Sustainable travel decision-making of Europeans: Insights from a household survey', *Sustainability*, 13(4), 1960.
- Maran, R. M., & Nedelea, A. M. (2017), 'Green economy: Challenges and opportunities', *Ecoforum Journal*, 6(3), 1-2.
- Pomázi, I. (2012), 'OECD Environmental Outlook to 2050. The Consequences of Inaction', *Hungarian Geographical Bulletin*, 61(4), 343-345.
- Thúc, P. N. (2002), *Giáo trình Quản lý môi trường*, Đại học Đà Nẵng, 2.
- Wang, Q., Qu, J., Wang, B., Wang, P., & Yang, T. (2019), 'Green technology innovation development in China in 1990–2015', *Science of the Total Environment*, 696, 134008.
- World Bank (2020), *Đánh giá minh bạch tài khóa của Việt Nam: Phân tích và phản hồi của các bên liên quan về thông tin ngân sách nhà nước được công khai*.